

Số: 40/2026/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số
26/2018/QH14;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 757/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi để tổ chức các giải thi
đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã
hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại
kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức chi để tổ
chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi để tổ chức các
giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ
đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực
hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối
hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại
biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực
hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao.

b) Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

7. Quy định chuyển tiếp

Đối với các giải thi đấu thể thao trong năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt. Đối với các giải thi đấu thể thao tổ chức kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khoá XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh; các xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao.
- Thành viên Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.
- Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý, thư ký các giải thi đấu.
- Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ.
- Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định này.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

- Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

STT	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
I	Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh	
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	150.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	200.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	150.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ	70.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh) 4 năm một lần	
A	Người tập	

-	Tập luyện	70.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	100.000/buổi
-	Chính thức	140.000/buổi
B	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	120.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, môn bóng đá, futsal	
A	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	300.000/trận
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/trận
B	Giải futsal nam, nữ và bóng đá bãi biển	
-	Trọng tài chính	200.000/trận
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	150.000/trận
II	Giải thi đấu thể thao cấp xã	
	Nội dung chi và mức chi: Bằng 70% mức chi tương ứng giải thi đấu thể thao cấp tỉnh quy định tại khoản này	

2. Mức chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại:

Đối với các đối tượng là thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý, thư ký: Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu, mức chi cụ thể như sau:

a) Tiền ăn đối với giải cấp tỉnh: 240.000 đồng/người/ngày; giải cấp xã: 160.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại:

Đối với các đối tượng quy định tại khoản này có khoảng cách từ trụ sở làm việc đến địa điểm tổ chức giải từ 30 km trở lên, tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán 300.000 đồng/người/ngày; tiền đi lại thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về công tác phí.

Đối với quan chức, trọng tài, giám sát của Cục Thể dục thể thao, Liên đoàn, Hiệp hội ngoài tỉnh được Ban Tổ chức mời tham gia điều hành giải đấu, tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không quá 500.000 đồng/người/ngày; tiền đi lại được thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Việc thanh toán chỉ thực hiện đối với phần kinh phí chưa được cơ quan, đơn vị hoặc nguồn kinh phí khác chi trả, bảo đảm không trùng lặp nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Mức chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận

bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Các khoản chi khác:

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Quy định này thì thực hiện theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu:

- a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;
- b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, họp báo, hội nghị, hội thảo, tập huấn trọng tài;
- c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- đ) Chi in vé, giấy mời;
- e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);
- h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ

1. Đối tượng được hưởng chế độ theo Quy định này được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Mức chi được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi, trận thi đấu thực tế; trường hợp thanh toán theo buổi hoặc trận đấu thì không quá 03 buổi hoặc 03 trận/người/ngày.

3. Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức chi cao nhất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, bố trí trong dự toán chi sự nghiệp thể dục, thể thao hằng năm và các nguồn tài trợ, đóng góp, xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.